

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghị quyết số: /2025/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc thực hiện thí điểm chế định luật sư công

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, thời gian thí điểm

1. Nghị quyết quy định về việc thí điểm chế định luật sư công, gồm: Tiêu chuẩn, điều kiện luật sư công; quyền, nghĩa vụ của luật sư công; phạm vi hoạt động của luật sư công; sử dụng, quản lý nhà nước đối với luật sư công

2. Việc thí điểm luật sư công được thực hiện tại các cơ quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, gồm: Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ, Quảng Ninh, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bắc Ninh.

3. Các quy định của Nghị quyết định được áp dụng cơ quan, địa phương thực hiện thí điểm; người là luật sư công; cơ quan sử dụng, quản lý luật sư công; cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Thời gian thí điểm từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2028.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Luật sư công là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Công an nhân dân, sĩ quan Quân đội nhân dân, cán bộ thuộc doanh nghiệp Nhà nước được cơ quan có thẩm quyền cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư để thực hiện các hoạt động có

tính chất pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Luật sư công không bao gồm viên chức đang thực hiện trợ giúp pháp lý.

2. *Cơ quan sử dụng luật sư công* là các cơ quan nhà nước, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp nhà nước sử dụng luật sư, luật sư công tham gia vào các công việc có tính chất pháp lý để bảo vệ lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức mình.

3. *Cơ quan quản lý trực tiếp luật sư công* là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước nơi luật sư công làm việc thường xuyên và hưởng lương hàng tháng.

4. *Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước* là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan nhà nước, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước trong doanh nghiệp nhà nước.

5. *Công việc có tính chất pháp lý tại khu vực Nhà nước* là các công việc được mô tả tại Điều 10 của Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của luật sư công

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
2. Tuân theo Quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư công.
3. Độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan.
4. Sử dụng các biện pháp hợp pháp để bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước.
5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan sử dụng luật sư công về hoạt động nghề nghiệp của mình.

Điều 4. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Nghiêm cấm luật sư công thực hiện các hành vi sau đây:
 - a) Cung cấp dịch vụ pháp lý cho khách hàng ngoài khu vực Nhà nước;
 - b) Tiết lộ thông tin về vụ, việc mà mình tham gia;
 - c) Móc nối, giao dịch với cơ quan, tổ chức, cá nhân khác để làm trái quy định của pháp luật trong giải quyết vụ, việc;
 - d) Lợi dụng công việc, danh nghĩa luật sư công để gây ảnh hưởng xấu đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.
2. Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi cản trở hoạt động của luật sư công.

Điều 5. Tiêu chuẩn của luật sư công

1. Là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Công an nhân dân, sĩ quan Quân đội nhân dân, cán bộ doanh nghiệp Nhà nước.

2. Trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng, liêm chính.

3. Có trình độ cử nhân luật trở lên.

4. Có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực pháp luật hoặc kinh nghiệm tranh tụng, tư vấn pháp luật hoặc giải quyết vụ việc pháp lý phức tạp.

5. Đã được đào tạo luật sư công, trừ trường hợp được miễn đào tạo theo quy định của Nghị quyết này thì có thể trở thành luật sư công.

Điều 6. Điều kiện hoạt động của luật sư công

Người đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này và được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư thì được thực hiện các công việc thuộc phạm vi hoạt động của luật sư công theo quy định tại Điều 10 của Nghị quyết này.

Điều 7. Đào tạo luật sư công

1. Người đang là chuyên viên, nghiên cứu viên, giảng viên trong lĩnh vực pháp luật và có bằng cử nhân luật hoặc thạc sỹ luật được tham dự chương trình đào tạo luật sư công 06 tháng tại Học viện tư pháp.

2. Người đang là chuyên viên chính, nghiên cứu viên chính, giảng viên chính trong lĩnh vực pháp luật và có bằng cử nhân luật hoặc thạc sỹ luật được tham dự chương trình đào tạo luật sư công 03 tháng tại Học viện tư pháp.

3. Người hoàn thành chương trình đào tạo luật sư công được cấp Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo luật sư công và được xem xét cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư để trở thành luật sư công.

4. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chương trình, nội dung đào tạo luật sư công.

Điều 8. Người được miễn đào tạo luật sư công

1. Những người sau đây được miễn đào tạo luật sư công:

a) Người đã được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định của Luật Luật sư;

b) Người đã có Giấy chứng nhận tốt nghiệp đào tạo nghề luật sư tại Học viện Tư pháp;

c) Giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành luật, tiến sỹ luật;

d) Người đang là chuyên viên cao cấp, nghiên cứu viên cao cấp, giảng viên cao cấp trong lĩnh vực pháp luật.

2. Người được miễn đào tạo luật sư công phải tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp của luật sư công tối thiểu là 176 giờ (tương đương 22 ngày làm việc/tháng) trước khi được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư.

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chương trình, nội dung bồi dưỡng luật sư công.

Điều 9. Cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư

1. Căn cứ vào nhu cầu thực tế sử dụng luật sư công, cơ quan quản lý trực tiếp có văn bản đề nghị Bộ Tư pháp cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư cho người có đủ tiêu chuẩn theo quy định của Nghị quyết này.

Bộ Tư pháp có thẩm quyền xem xét cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư cho luật sư công.

Chính phủ quy định chi tiết về số lượng luật sư công, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư công.

2. Người thuộc một trong những trường hợp sau đây thì không được cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư:

a) Không đủ tiêu chuẩn luật sư công theo quy định tại Điều 5 của Nghị quyết này;

b) Không thường trú tại Việt Nam;

c) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý kể cả trường hợp đã được xóa án tích;

d) Đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc;

đ) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

e) Người là cán bộ, công chức, viên chức, cán bộ doanh nghiệp nhà nước bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; sĩ quan Công an nhân dân, sĩ quan Quân đội nhân dân bị xử lý kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu Công an nhân dân, tước danh hiệu Quân nhân; luật sư bị xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách Đoàn Luật sư mà chưa hết thời hạn ba năm, kể từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực.

Điều 10. Phạm vi hoạt động của luật sư công

1. Tham gia tố tụng với tư cách là luật sư, người bảo vệ quyền và lợi ích ích hợp pháp cho cơ quan nhà nước, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp nhà nước ở Trung ương và địa phương.

2. Thực hiện tư vấn pháp luật, đại diện cho cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương trong việc giải quyết các vụ kiện, tranh chấp trong nước và quốc tế về đầu tư, thương mại, công pháp quốc tế, hành chính, dân sự và tham gia quá trình thi hành án dân sự, án hành chính.

3. Thực hiện tư vấn cho cơ quan nhà nước xử lý các vấn đề pháp lý liên quan đến các dự án kinh tế - xã hội; tư vấn và tham gia giải quyết các vụ, việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài.

4. Thực hiện các công việc có tính chất pháp lý khác tại cơ quan nhà nước, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp nhà nước.

5. Phạm vi hoạt động của luật sư công không bao gồm hoạt động trợ giúp pháp lý và không trùng lặp với hoạt động của pháp chế bộ, ngành.

Chính phủ quy định cụ thể về phạm vi hoạt động, các công việc có tính chất pháp lý của luật sư công.

Điều 11. Trách nhiệm của luật sư công

Luật sư công có trách nhiệm sau đây:

1. Sử dụng các biện pháp hợp pháp để bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích của nhà nước. Luật sư công có trách nhiệm duy trì tính độc lập và đạo đức nghề nghiệp của luật sư công trong thực hiện nhiệm vụ của mình.

Trong trường hợp cơ quan, tổ chức có thẩm quyền sử dụng luật sư thì luật sư công có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với luật sư trong việc bảo vệ lợi ích của nhà nước.

2. Luật sư công có trách nhiệm tuân thủ sự chỉ định, việc cử của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để tham gia các công việc có tính chất pháp lý tại khu vực công.

3. Trong thời gian không thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi công việc được quy định tại Điều 12 của Nghị quyết này, luật sư công thực hiện các quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của cán bộ, công chức tại cơ quan quản lý trực tiếp họ theo quy định của pháp luật chuyên ngành điều chỉnh.

4. Luật sư công có hành vi vi phạm pháp luật, quy định nghề nghiệp thì tùy theo tính chất, mức độ có thể bị kỷ luật, bị xử phạt vi phạm hành chính, bị truy cứu trách nhiệm hình sự; bồi thường thiệt hại nếu có lỗi gây thiệt hại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Luật sư công được miễn trừ trách nhiệm trong trường hợp đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định của pháp luật có liên quan, không tư lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, mặc dù có thể có thiệt hại xảy ra.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của luật sư công

1. Luật sư công có quyền sau đây:

a) Có đầy đủ quyền của cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Công an nhân dân, sĩ quan Quân đội nhân dân, cán bộ thuộc doanh nghiệp nhà nước; được hưởng lương, chế độ đặc thù và các quyền khác của luật sư công theo quy định của Nghị quyết này.

b) Được ưu tiên cử đi đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng hành nghề luật sư tại các cơ quan, tổ chức trong nước và nước ngoài; tham gia các chương trình học bổng của Chính phủ.

c) Đại diện, tham gia tố tụng với tư cách luật sư, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cơ quan nhà nước, cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị tại Trung ương và địa phương, doanh nghiệp nhà nước;

d) Phối hợp với luật sư để tham gia tố tụng hoặc bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của Nhà nước theo sự phân công của cơ quan, tổ chức sử dụng luật sư công;

đ) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền cho sao chép hoặc cung cấp những tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ việc mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đó đang lưu giữ, quản lý để phục vụ cho các công việc của luật sư công;

e) Khi tham gia tố tụng, luật sư công có các quyền của luật sư theo quy định của pháp luật;

g) Được bảo lưu ý kiến pháp lý và từ chối thực hiện chỉ đạo trái pháp luật;

h) Tham gia tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

i) Có các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Luật sư công có nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan Công an nhân dân, sĩ quan Quân đội nhân dân, doanh nghiệp nhà nước;

b) Tuân thủ chuẩn mực đạo đức của luật sư công;

c) Chỉ được thực hiện các hoạt động có tính chất pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, không được cung cấp dịch vụ pháp lý cho cá nhân, cơ quan, tổ chức, đơn vị ngoài khu vực công lập.

d) Trung thực, khách quan khi bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước;

đ) Tham gia bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, đạo đức nghề nghiệp và chuyên môn nghiệp vụ hàng năm;

e) Giữ bí mật về thông tin, tài liệu liên quan đến vụ việc hoặc công việc pháp lý được giao;

g) Kịp thời báo cáo với cơ quan quản lý trực tiếp về diễn biến và tình hình xử lý vụ việc do mình trực tiếp thực hiện;

h) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Chỉ định và cử luật sư công

1. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng luật sư công để thực hiện các công việc theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết này thì cử luật sư công làm việc tại cơ quan, tổ chức mình tham gia. Sau khi được cơ quan, tổ chức cử, luật sư công sẽ tham gia thực hiện các công việc có tính chất pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước được giao.

2. Cơ quan, tổ chức có nhu cầu sử dụng luật sư công của cơ quan, tổ chức khác để thực hiện các công việc theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết này thì có văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức có luật sư công cử hoặc đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về luật sư công giới thiệu hoặc chỉ định.

Cơ quan quản lý trực tiếp luật sư công có trách nhiệm cử và tạo điều kiện về thời gian, công việc và các điều kiện khác để luật sư công của cơ quan, tổ chức mình thực hiện quyền và nghĩa vụ của luật sư công.

3. Chính phủ quy định chi tiết về quy trình cử, chỉ định và sử dụng luật sư công.

Điều 14. Quan hệ phối hợp của luật sư công với luật sư hành nghề

1. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan sử dụng luật sư công có quyền lựa chọn và ký hợp đồng dịch vụ pháp lý thường xuyên hoặc theo vụ việc với tổ chức hành nghề luật sư để chỉ định luật sư có năng lực tham gia giải quyết các công việc có tính chất pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước.

2. Trường hợp cơ quan sử dụng luật sư công không cử được luật sư công hoặc không lựa chọn được tổ chức hành nghề luật sư để ký hợp đồng dịch vụ pháp lý hoặc trong trường hợp vụ, việc có tính chất liên ngành, liên cơ quan hoặc có khó khăn, vướng mắc thì cơ quan quản lý nhà nước về luật sư công sẽ thực hiện việc giới thiệu hoặc chỉ định luật sư công cho cơ quan, tổ chức khi có yêu cầu và giới thiệu tổ chức hành nghề luật sư có năng lực để cơ quan, tổ chức quyết định việc ký hợp đồng vụ việc hoặc thường xuyên.

3. Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư khi tham gia vào các công việc có tính chất pháp lý tại khu vực công được nhận thù lao và được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của Chính phủ.

Điều 15. Chế độ, chính sách đối với luật sư công

1. Luật sư công được hưởng hỗ trợ hằng tháng bằng 100% theo hệ số lương hiện hưởng.

2. Được hưởng thù lao, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác theo kết quả, sản phẩm công việc theo quy định của pháp luật.

3. Được hưởng tiền làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm, công tác phí và các chế độ khác theo quy định của pháp luật về cán bộ công chức, viên chức.

4. Luật sư có trên 10 năm kinh nghiệm hành nghề luật sư được tuyển dụng làm luật sư công được hưởng lương và hỗ trợ hằng tháng bằng 100% theo hệ số lương bậc 1 của chuyên viên cao cấp hoặc tương đương theo vị trí việc làm.

5. Trường hợp luật sư công được hưởng hỗ trợ hằng tháng từ nhiều mục khác nhau đối với cùng một chế độ, chính sách trong cùng một thời điểm thì chỉ được hưởng chế độ, chính sách cao nhất.

6. Chính phủ quy định chi tiết về chế độ, chính sách, kinh phí bảo đảm cho hoạt động của luật sư công.

Điều 16. Tuyển dụng luật sư công

1. Các luật sư, luật gia, nhà khoa học đang làm việc tại khu vực tư nhân khi đáp ứng tiêu chuẩn luật sư công thì được tuyển dụng vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị, doanh nghiệp nhà nước để trở thành luật sư công.

2. Các bộ, địa phương chủ trì thực hiện việc tuyển dụng luật sư công của bộ, địa phương mình.

3. Việc tuyển dụng luật sư công được thực hiện thông qua xét tuyển. Nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục xét tuyển được thực hiện theo quy định của pháp luật về cán bộ công chức, viên chức, công an nhân dân, sỹ quan quân đội nhân dân Việt Nam, doanh nghiệp và Nghị quyết này.

Điều 17. Giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, kỷ luật

1. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến luật sư công được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và pháp luật có liên quan.

2. Chính phủ quy định chi tiết về giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng, kỷ luật đối với luật sư công.

Điều 18. Quản lý luật sư công

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về luật sư công và hoạt động của luật sư công.

2. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ quản lý nhà nước về luật sư công và hoạt động của luật sư công trên phạm vi toàn quốc, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Cấp, thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư cho người muốn trở thành luật sư công;

b) Công bố danh sách luật sư công trong toàn quốc;

c) Thực hiện việc giới thiệu luật sư công và luật sư theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức;

d) Chủ trì, phối hợp xây dựng, ban hành cơ chế chính sách về luật sư công; chính sách khuyến khích, có cơ chế ưu đãi thu hút luật sư có trình độ, kinh nghiệm nghề nghiệp được Nhà nước ký hợp đồng dịch vụ pháp lý để tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước;

đ) Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng luật sư công; bồi dưỡng hàng năm và bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ luật sư công và luật sư tham gia công việc có tính chất pháp lý tại khu vực công;

e) Kiểm tra, giám sát, đánh giá về tổ chức và hoạt động của luật sư công;

g) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về luật sư công và hoạt động của luật sư công ở địa phương.

Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện quản lý nhà nước về luật sư công và hoạt động của luật sư công trong phạm vi địa phương, có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Công bố danh sách luật sư công trong phạm vi địa phương;

b) Thực hiện việc giới thiệu luật sư công và luật sư theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức tại địa phương;

c) Thực hiện bồi dưỡng hàng năm và bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ luật sư công và luật sư tại địa phương để tham gia công việc có tính chất pháp lý tại khu vực công;

d) Chủ trì, phối hợp xây dựng, ban hành cơ chế chính sách về luật sư công; chính sách khuyến khích, có cơ chế ưu đãi thu hút luật sư có trình độ, kinh nghiệm nghề nghiệp được Nhà nước ký hợp đồng dịch vụ pháp lý để tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước tại địa phương;

đ) Kiểm tra, giám sát, đánh giá về tổ chức và hoạt động của luật sư công tại địa phương;

e) Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

4. Bộ Tài chính ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách chi định thầu, chính sách về thù lao, chi phí, nguồn ngân sách chi trả cho luật sư

thực hiện các công việc có tính chất pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước.

5. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố ban hành Nghị quyết về chính sách thu hút, sử dụng luật sư tham gia vào các công việc có tính chất pháp lý nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước.

6. Các Bộ, ngành, trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thực hiện quản lý nhà nước về luật sư công.

7. Cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp luật sư công quản lý luật sư công theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp luật sư công quyết định đơn vị chuyên môn thực hiện quản lý luật sư công trong phạm vi cơ quan, tổ chức mình theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả, khả thi; không để sơ hở, tham nhũng, tiêu cực, trục lợi chính sách, thất thoát, lãng phí.

2. Chính phủ, Bộ Tư pháp và bộ, ngành, địa phương có liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị quyết này.

3. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ xây dựng Nghị định hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị quyết này; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết, báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này quyết định cơ quan, tổ chức tại địa phương được tuyển dụng luật sư công, đề nghị Bộ Tư pháp cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư; tổng kết việc thực hiện Nghị quyết tại địa phương, báo cáo Bộ Tư pháp.

5. Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2028.

2. Kể từ ngày Nghị quyết này hết hiệu lực thi hành mà vụ, việc đang được luật sư công thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này thì tiếp tục thực hiện cho đến khi giải quyết xong vụ, việc. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc hoặc vượt

quá thẩm quyền, cơ quan, tổ chức quản lý, sử dụng luật sư công báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này hết hiệu lực và không có văn bản nào thay thế thì áp dụng tương tự quy định của văn bản đó đến khi Nghị quyết này hết hiệu lực.

4. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định của Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa ..., Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 202...

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI